

UBND TỈNH HƯNG YÊN,
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 620/BC-SNNMT

Hưng Yên, ngày 16 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với
Dự thảo “Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định một số
chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên”**

Thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành nghị quyết phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh thường kỳ tháng 02 năm 2026, trong đó giao Sở Nông nghiệp và Môi trường: “Rà soát, đánh giá lại toàn bộ cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn hiện hành; chủ trì, phối hợp với cơ quan đơn vị địa phương nghiên cứu xây dựng và tham mưu HĐND tỉnh xem xét, ban hành các cơ chế chính sách mới phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn và quy định pháp luật mới ban hành”.

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 01/4/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045; Kế hoạch số 53-KH/ĐU, ngày 11/5/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 20/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh được ban hành. Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định một số chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên (gọi tắt là Dự thảo Nghị quyết) xin ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương theo trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

Ngày 10/6/2026, Sở Tư pháp ban hành Báo cáo số 212/BC-STP Báo cáo thẩm định Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên; sau khi nghiên cứu, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (chi tiết theo Phụ lục kèm theo) và hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết (có dự thảo gửi đính kèm).

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với Dự thảo “Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định một số chính sách hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên”; Sở Nông nghiệp và Môi trường trân trọng báo cáo./. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tư pháp;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Kiên

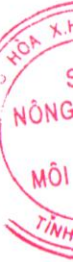


Phụ lục

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với Dự thảo “Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định một số chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên”
(Kèm theo Báo cáo số 620/BC-SNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Nhóm văn đề/diều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
I.	SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT		
1.	2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng dự thảo Nghị quyết	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết cơ bản phù hợp với các quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Thủy sản, Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Nghị định số 109/2018/NĐ-CP, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và Nghị định số 106/2024/NĐ-CP. Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/4/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045, Kế hoạch số 53-KH/ĐU ngày 11/5/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045 và Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 20/5/2026 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045; Kế hoạch số 53-KH/ĐU ngày 11/5/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh,	Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, đã chỉnh sửa “<i>Phạm vi điều chỉnh</i>” của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với nhiệm vụ, chương trình được giao tại Kế hoạch số 53-KH/ĐU và Kế hoạch số 176/KH-UBND. Cụ thể Dự thảo “<i>Quy định một số chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên</i>”

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét về “Phạm vi điều chỉnh” của dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau: Tại Phụ lục phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thực hiện nội dung, kế hoạch của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh kèm theo Kế hoạch số 53-KH/ĐU và Phụ lục một số chương trình Đề án, Dự án, Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2026- 2030 kèm theo Kế hoạch số 176/KH-UBND giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện nhiệm vụ xây dựng, trình ban hành “Quy định một số cơ chế chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030”, như vậy- sẽ bao gồm các nội dung của nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại khoản 1, khoản 2 Mục III Nghị quyết số 13-NQ/TU. Tuy nhiên, “<i>Phạm vi điều chỉnh</i>” của dự thảo Nghị quyết quy định “một số chính sách phát triển nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên”, do đó đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét “<i>Phạm vi điều chỉnh</i>” của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với nhiệm vụ, chương trình được giao tại Kế hoạch số 53-KH/ĐU và Kế hoạch số 176/KH-UBND .	
II.	SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIỆN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI HỆ		



STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
	THỐNG PHÁP LUẬT		
	1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước		
2.		Dự thảo Nghị quyết, dự thảo Quy định về một số chính sách phát triển nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là dự thảo Quy định) về cơ bản được xây dựng phù hợp với đường lối, chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh tại Nghị quyết số 13-NQ/TU, các nhiệm vụ, chương trình cụ thể tại Kế hoạch số 53-KH/ĐU và Kế hoạch số 176/KH-UBND. Tuy nhiên đề nghị xem xét, thuyết minh rõ ràng, chính xác đối với căn cứ pháp lý và định hướng phát triển ngành của tỉnh đề xuất các chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh theo Luật Ngân sách năm 2025, gồm: “Hỗ trợ thuốc diệt chuột tập trung toàn tỉnh bảo vệ sản xuất trồng trọt vụ Xuân” (Điều 3 dự thảo Quy định); “Hỗ trợ chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi VietGAHP đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường” (Điều 6 dự thảo Quy định); “Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ tại các trang trại chăn nuôi” (Điều 7 dự thảo Quy định); “Hỗ trợ cơ sở nuôi đàn giống cấp ông bà và đàn giống cấp bố mẹ để sản xuất nguồn giống vật nuôi chủ lực cấp bố mẹ và con thương phẩm trên địa bàn tỉnh” (Điều 8 dự thảo Quy định); “Hỗ trợ xây dựng mới hoặc nâng cấp cải thiện điều kiện vệ sinh thú y với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm” (Điều 11 dự thảo Quy định); “Hỗ trợ phát triển nuôi thủy sản trong ao bán nổi” (Điều 12 dự thảo Quy định); “Hỗ trợ nuôi giữ, khảo nghiệm giống vật nuôi, giống thủy sản” (Điều 13 dự thảo Quy định). Ngoài ra Cơ quan thẩm định cũng có một số ý kiến về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất	Sở Nông nghiệp và Môi trường bổ sung nội dung thuyết minh như sau:

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		của dự thảo Nghị quyết tại khoản 2 Mục này đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét <i>“Hỗ trợ thuốc diệt chuột tập trung toàn tỉnh bảo vệ sản xuất trồng trọt vụ Xuân” (Điều 3 dự thảo Quy định);</i>	Việc hỗ trợ thuốc diệt chuột tập trung toàn tỉnh bảo vệ sản xuất trồng trọt vụ Xuân là cần thiết và có cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn. Về căn cứ pháp lý, chính sách được xây dựng trên cơ sở Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật; Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15/3/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/4/2026, của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045. Về thực tiễn, chuột là đối tượng sinh vật gây hại nguy hiểm, phát sinh và gây hại trên diện rộng, khó tiêu diệt triệt để. Hiệu quả phòng trừ chỉ đạt cao khi tổ chức diệt chuột đồng loạt, tập trung trong thời gian ngắn tại tất cả các địa phương, nhất là giai đoạn đồ ải và ngay sau khi kết thúc gieo cấy. Thực tế nhiều năm qua cho thấy việc hỗ trợ thuốc diệt chuột và tổ chức chiến dịch diệt chuột tập trung trên phạm vi toàn tỉnh đã góp phần hạn chế thiệt hại do chuột gây ra, bảo vệ sản xuất và ổn định năng suất cây trồng. Chính sách hỗ trợ thuốc diệt chuột tập trung không phải là hỗ trợ riêng cho từng hộ sản xuất mà là biện pháp phòng chống sinh vật

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
			gây hại mang tính cộng đồng, phục vụ lợi ích chung trong bảo vệ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh, phù hợp với mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm tổn thất trong sản xuất trồng trọt theo định hướng của Nghị quyết số 13-NQ/TU. Do đó, đề nghị giữ nguyên Điều 3 dự thảo.
		<i>“Hỗ trợ chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi VietGAHP đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường” (Điều 6 dự thảo Quy định);</i>	Các căn cứ pháp lý: - Luật Chăn nuôi; Luật Thú y; - Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết số 13/NQ-TU- ngày 01/4/2026, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045; Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 31/07/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 01-CTr/ĐU ngày 09/12/2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Công văn số 1085-CV/ĐU ngày 03/4/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh, công văn số 1790/UBND-KT2 ngày 07/4/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/4/2026 của BCH Đảng bộ tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường đã trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
			chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi Vietgahp đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường giai đoạn 2026-2030, định hướng 2035, tại Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 07/4/2026;. <i>Nội dung chính sách: Hỗ trợ chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi VietGAHP đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường là các chính sách đã được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (cũ), đã đạt được kết quả đáng kể đối với ngành chăn nuôi, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi, hình thức chăn nuôi chuyển biến rõ rệt từ chăn nuôi nhỏ lẻ, manh mún sang chăn nuôi trang trại và nông hộ chuyên nghiệp, sản phẩm sản xuất ra an toàn, truy xuất được nguồn gốc, tăng uy tín và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, giúp cho người chăn nuôi nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững</i>
		<i>Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ tại các trang trại chăn nuôi” (Điều 7 dự thảo Quy định);</i>	* Căn cứ đề xuất chính sách: - <i>Văn bản của Trung ương:</i> Căn cứ gạch đầu dòng thứ nhất, khoản 6 Điều 2 Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải đến năm 2030: căn cứ nội dung Đề án điều kiện thực tế của địa phương, UBND cấp tỉnh xây dựng cơ chế đặc thù của địa phương..... - <i>Văn bản của tỉnh:</i> Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết số 13/NQ-TU ngày 01/4/2026, của Ban Chấp hành Đảng

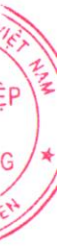
STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		“Hỗ trợ cơ sở nuôi đàn giống cấp ông bà và đàn giống cấp bố mẹ để sản xuất nguồn giống vật nuôi chủ lực cấp bố mẹ và con thương phẩm trên địa bàn tỉnh” (Điều 8 dự thảo Quy định);	bộ tỉnh về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045... * Định hướng phát triển ngành của tỉnh đề xuất các chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh theo Luật Ngân sách năm 2025 - Nghị quyết số 13/NQ-TU ngày 01/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045: một trong các nhiệm vụ chủ yếu là Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo (mục III.1. 1.3). - Kế hoạch 154/KH-UBND ngày 04/5/2026 của UBND tỉnh về Kế hoạch phát triển sản xuất chăn nuôi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, nêu rõ các giải pháp tổ chức thực hiện, trong đó tại mục III.4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ trong chăn nuôi và mục III.6. Tổ chức thực hiện và ban hành cơ chế, chính sách. (một trong các chính sách đề xuất là “chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”). * Căn cứ đề xuất chính sách: - Văn bản của Trung ương: Căn cứ gạch đầu dòng thứ nhất, khoản 5 Điều 2 Quyết định số 1742/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Đề án

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
			ưu tiên đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ ngành chăn nuôi đến năm 2030: căn cứ nội dung Đề án điều kiện thực tế của địa phương, UBND cấp tỉnh xây dựng cơ chế đặc thù của địa phương.... Căn cứ gạch đầu dòng thứ nhất, khoản 6, Điều 2, số 1741/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030: căn cứ nội dung Đề án điều kiện thực tế của địa phương, UBND cấp tỉnh xây dựng cơ chế đặc thù của địa phương.... - <i>Văn bản của tỉnh</i>: Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết số 13/NQ-TU ngày 01/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045... * Định hướng phát triển ngành của tỉnh đề xuất các chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh theo Luật Ngân sách năm 2025 - Nghị quyết số 13/NQ-TU ngày 01/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045: một trong các nhiệm vụ chủ yếu là Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo (mục III.1. 1.3). - Kế hoạch 154/KH-UBND ngày 04/5/2026 của UBND tỉnh về Kế hoạch phát triển sản xuất chăn nuôi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, nêu rõ các giải pháp tổ chức thực hiện, trong đó tại mục III.4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ trong chăn nuôi và mục III.6. Tổ chức thực hiện và ban hành cơ chế, chính sách (một trong các chính sách đề xuất là "Hỗ trợ cơ sở

X.H.
S
ÔNG
V
MÔI T
/NH F

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
			nuôi đàn giống cấp ông bà và đàn giống cấp bố mẹ để sản xuất nguồn giống vật nuôi chủ lực cấp bố mẹ và con thương phẩm trên địa bàn tỉnh”). <i>Giai trình:</i> - Thực hiện Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015, Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý, kiểm soát giết mổ động vật bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm; Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định 1740/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030; - Kế hoạch số 153/KH-UBND 04/5/2026 của UBND tỉnh về việc xây dựng mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và triển khai thực hiện công tác quản lý giết mổ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030; theo lộ trình và từng bước kêu gọi, thu hút tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ tập trung; tuy nhiên trước mắt cần hỗ trợ nâng cấp cơ sở giết mổ nhỏ lẻ quy mô lớn để đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm và cơ quan chuyên môn thực hiện kiểm soát giết mổ. Tại những xã có cơ sở giết mổ được nâng cấp đảm bảo vệ sinh thú y sẽ có lộ trình đưa những cơ sở nhỏ lẻ, không đảm bảo vệ sinh thú y vào để tập trung giết mổ có kiểm soát, xóa bỏ cơ sở nhỏ lẻ không được cấp phép, không đảm bảo vệ sinh và an toàn thực phẩm.
		“Hỗ trợ xây dựng mới hoặc nâng cấp cải thiện điều kiện vệ sinh thú y với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm” (Điều 11 dự thảo Quy định);	

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		“Hỗ trợ phát triển nuôi thủy sản trong ao bán nổi” (Điều 12 dự thảo Quy định);	<i>Giải trình:</i> Đối với chính sách “Hỗ trợ phát triển nuôi thủy sản trong ao bán nổi”, cơ quan soạn thảo nhận thấy chính sách phù hợp với định hướng phát triển ngành thủy sản của Trung ương và định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh. Cụ thể: - Tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 ban hành Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030 đã xác định định hướng phát triển nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại, phát triển NTTS theo hướng thâm canh, ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa, tự động hóa, nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất và kiểm soát môi trường nuôi. Chính sách hỗ trợ phát triển nuôi thủy sản trong ao bán nổi, hỗ trợ guồng quạt nước, bạt lót bờ ao là các hạng mục đầu tư phục vụ trực tiếp việc áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong nuôi trồng thủy sản, góp phần nâng cao năng suất, giảm chi phí sản xuất và kiểm soát môi trường nuôi. - Mô hình nuôi thủy sản trong ao bán nổi với quy mô từ 10 ha trở lên là phù hợp với Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của



STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
			Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp, do đáp ứng yêu cầu phát triển vùng sản xuất tập trung và hình thành các dự án liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp. - Mặt khác, chính sách phù hợp và trực tiếp cụ thể hóa Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên Ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa giai đoạn 2026-2030, nhằm khai thác hiệu quả diện tích đất trũng, ngập úng, cấy lúa kém hiệu quả hoặc bỏ hoang, chuyển sang nuôi thủy sản có giá trị kinh tế cao hơn, góp phần chuyển đổi cơ cấu sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nâng cao giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đất nông nghiệp, tăng thu nhập cho người dân.
		<i>“Hỗ trợ nuôi giữ, khảo nghiệm giống vật nuôi, giống thủy sản” (Điều 13 dự thảo Quy định).</i>	<i>Giai trình:</i> Việc khảo nghiệm, đánh giá, nuôi giữ giống vật nuôi, giống thủy sản mục đích tuyển chọn, đánh giá, nuôi giữ được nguồn gen của những giống vật nuôi, thủy sản cao sản, mang lại giá trị cao trong sản xuất, cung ứng cho người dân.
3.	2. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật	Nhằm đảm bảo tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát các ý kiến thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 315/BC-STP ngày 09/10/2025 của Sở Tư pháp và nghiên cứu, chỉnh sửa và hoàn thiện các nội dung của dự thảo để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết và dự	

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		thảo Quy định. Đồng thời, xem xét một số nội dung sau:	
3.1		a) Đối với dự thảo Nghị quyết:	
		- Đề nghị bổ sung tên của Điều 1 cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 63 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.	Tiếp thu ý kiến, đã chỉnh sửa trong Dự thảo (Điều 1, Điều 2)
		- Đề nghị xem xét rà soát, đề xuất xử lý đối với văn bản để đảm bảo tính thống nhất, tránh mâu thuẫn, chồng chéo của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tỉnh: + Nghị Quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Thái Bình Ban hành Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Bình + Nghị Quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của HĐND tỉnh Thái Bình Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng hệ thống đèn điện “Thắp sáng đường quê” trong xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025. + Nghị Quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thái Bình Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng hệ thống đèn điện “Thắp sáng đường quê” trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. + Nghị Quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thái Bình ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu	Tiếp thu ý kiến. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, Các Nghị quyết nêu trên quy định cơ chế chính sách về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững (<i>trừ Nghị Quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Thái Bình Ban hành Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Bình</i>). Do vậy, các nội dung quy định trong Dự thảo đảm bảo không mâu thuẫn, chồng chéo đối với các văn bản nêu trên. Phương án xử lý: Đề xuất bãi bỏ các văn bản nêu trên khi ban hành cơ chế chính sách xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững <u>trong thời gian tới</u>. Nghị Quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Thái Bình Ban hành Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Bình



STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2022-2025 + Nghị Quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 24/8/2022 của HĐND tỉnh Thái Bình Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, mức vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Bình + Nghị Quyết số 233/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND tỉnh Hưng Yên (cũ) Quy định chính sách hỗ trợ các địa phương về đích sớm, được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025 + Nghị Quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Thái Bình Ban hành một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2025. + Nghị Quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Thái Bình Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 5 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2022-2025 kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	sẽ tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành Văn bản mới thay thế khi Nghị định về Khuyến nông mới được ban hành thay thế Nghị định số 83/2018/NNĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương (ngày 23/04/2026, Bộ Tư pháp đã công bố Dự thảo Nghị định về khuyến nông).
3.2		<i>b) Đề nghị xem xét đối với một số quy định hỗ trợ chồng chéo với các chính sách khác của tỉnh đang có hiệu lực thi hành bao gồm:</i>	

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		- Điều 4 dự thảo Quy định về “<i>Hỗ trợ phát triển sản xuất cây vụ đông</i>” căn cứ theo quy định về kinh phí hỗ trợ hoạt động trồng lúa tại Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa, tuy nhiên ngày 12/11/2025 Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 775/2025/NQ-HĐND quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo đó đã có chính sách hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.	<i>Giải trình:</i> Nghị quyết số 775/2025/NQ-HĐND quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức và cơ chế sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa; đồng thời giao Ủy ban nhân dân các cấp chủ động phân bổ, sử dụng nguồn kinh phí theo dự toán được giao hằng năm đối với các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP. Trong khi, Điều 4 dự thảo quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cây vụ đông nhằm khuyến khích mở rộng diện tích gieo trồng cây vụ đông trên đất lúa, nâng cao hệ số sử dụng đất, tăng hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người dân. Đây là một trong những giải pháp thực hiện mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Do đó, hai chính sách có phạm vi và mục tiêu khác nhau, không trùng lặp về nội dung hỗ trợ. Đề nghị giữ nguyên nội dung Điều 5 dự thảo (Điều 4 dự thảo trước chỉnh sửa)
		- Điều 9 dự thảo Quy định: khoản 2 Điều 3 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 5/6/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật quy định “<i>Người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật là người trực tiếp tham gia nhiệm vụ phòng, chống một hoặc một số bệnh động vật quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này theo phân công, huy động của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trên cơ sở tính chất, quy mô dịch bệnh</i>”, đồng thời Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết	<i>Giải trình:</i> - Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến; đã chỉnh sửa 1 số từ tại Điều 9 để tránh hiểu nhầm nội dung chính sách. - Theo Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 776/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Hưng Yên: <i>Phạm vi áp dụng trong</i>



STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		số 776/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong đó bao gồm chính sách hỗ trợ đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật. Do đó, đề nghị xem xét đối với nội dung hỗ trợ “ <i>công cho người tham gia thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, dịch</i> ” đảm bảo không có sự chồng chéo chính sách.	<i>trường hợp có dịch bệnh, bao gồm các biện pháp chống dịch đối với vùng có dịch và các biện pháp phòng dịch đối với các cơ sở chăn nuôi chưa bị dịch bệnh trong vùng dịch, vùng uy hiếp và vùng đệm.</i> - Đối với nội dung đề xuất trong dự thảo Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ “ <i>công cho người tham gia thực hiện nhiệm vụ phòng dịch</i> ”, nhằm hỗ trợ thực hiện tốt các biện pháp chủ động phòng dịch bệnh định kỳ hàng năm, <i>khi chưa có dịch bệnh xảy ra.</i> Do đó, đảm bảo không có sự chồng chéo chính sách.
3.3		<i>c) Đề nghị xem xét đối với các nội dung chung sau:</i>	
		- Về điều kiện hỗ trợ: đề nghị rà soát toàn bộ các chính sách hỗ trợ tại dự thảo Quy định, bổ sung điều kiện về nơi cư trú hoặc thông tin pháp lý liên quan tổ chức và địa điểm thực hiện mô hình, dự án.	Tiếp thu ý kiến, đã rà soát và bổ sung toàn bộ dự thảo
		- Mặt khác, các chính sách đều <i>không quy định giới hạn số lần hưởng hỗ trợ của đối tượng đủ điều kiện hoặc kinh phí tối đa cấp cho mỗi chính sách</i> , điều này gây hạn chế rất lớn đến khả năng cân đối ngân sách, tính khả thi hiệu quả của chính sách do đó cần nghiên cứu, xem xét lên được tổng dự toán mỗi năm của các chính sách trên cơ sở dự toán hàng năm của từng cơ chế hỗ trợ.	Tiếp thu ý kiến, đã rà soát và bổ sung một số nội dung dự thảo
		- Việc bố cục nội dung của các Điều chưa đảm bảo tính thống nhất của văn bản (<i>một số điều có “Phương thức hỗ trợ” nhưng một số điều không có</i>), đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát toàn bộ nội dung của dự thảo Quy định và xem xét, chỉnh sửa cho phù hợp.	Tiếp thu ý kiến, đã rà soát, chỉnh sửa thống nhất toàn bộ dự thảo
3.4		<i>d) Điều 5 dự thảo Quy định:</i>	



STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		- Đề nghị xem xét về sự phù hợp nội dung chính sách này với nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2026-2030 tại Kế hoạch số 53-KH/ĐU và Kế hoạch số 176/KH-UBND, Nghị quyết số 13-NQ/TU, trong đó xác định ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các lĩnh vực nông nghiệp nông thôn gồm nội dung “...; <i>thí điểm mô hình tích tụ ruộng đất quy mô lớn do doanh nghiệp thuê đất lập thành cá nông trường lớn, ứng dụng 100% cơ giới hóa;...</i>”.	<i>Giải trình:</i> Chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất nông nghiệp quy định tại Điều 5 hoàn toàn phù hợp với định hướng, nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh giai đoạn 2026-2030. Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xác định nhiệm vụ đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên môn hóa cao, ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa và liên kết chuỗi trong sản xuất. Đối với sản xuất lúa, Nghị quyết xác định nhiệm vụ thu hút doanh nghiệp thuê ruộng để xây dựng cánh đồng lớn, sản xuất tập trung, áp dụng 100% cơ giới hóa nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất, tạo sản lượng hàng hóa lớn phục vụ chế biến và tiêu thụ. Tại Kế hoạch số 53-KH/ĐU và Kế hoạch số 176/KH-UBND đã cụ thể hóa nội dung “...; <i>thí điểm mô hình tích tụ ruộng đất quy mô lớn do doanh nghiệp thuê đất lập thành các nông trường lớn, ứng dụng 100% cơ giới hóa;...</i>” thông qua nhiệm vụ xây dựng “<i>Đề án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao</i>”. Chính sách tại Điều 5 được xây dựng nhằm cụ thể hóa chủ trương nêu trên thông qua việc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện tích tụ, tập trung đất nông nghiệp hình thành các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn; đồng thời khuyến khích người sử dụng đất

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
			tham gia cho thuê, góp quyền sử dụng đất để tạo quỹ đất ổn định phục vụ sản xuất hàng hóa. Việc quy định điều kiện về quy mô diện tích, yêu cầu liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị và hỗ trợ đối với người sử dụng đất tham gia tích tụ, tập trung đất nông nghiệp là các giải pháp nhằm thúc đẩy thực hiện mục tiêu hình thành các cánh đồng lớn, vùng sản xuất tập trung, tăng cường cơ giới hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và giá trị gia tăng của ngành trồng trọt theo định hướng của Nghị quyết số 13-NQ/TU; đồng thời cũng là căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện “ <i>Đề án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao</i> ”.
		- Căn cứ khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định “<i>Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh</i>”, bên cạnh đó khoản 1 Điều 3 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP quy định “<i>Hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ... là việc thỏa thuận, tự nguyện cùng đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của các đối tượng ... để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp</i>”. Theo đó đề nghị xem xét về sự phù hợp của “<i>điều kiện hỗ trợ</i>” và “<i>Nội dung hỗ trợ</i>” tại Điều này với các quy định trên.	<i>Giai trình:</i> Chính sách tại Điều 5 Dự thảo là chính sách đặc thù của tỉnh về hỗ trợ tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, không phải chính sách hỗ trợ liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP (quy định tại Điều 14 của Dự thảo). Tuy nhiên, để bảo đảm hiệu quả đầu tư và phát triển bền vững vùng sản xuất sau tích tụ đất đai, dự thảo quy định việc tích tụ, tập trung đất nông nghiệp phải gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị theo quy định của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP. Do đó, nội dung quy định về “<i>điều kiện hỗ trợ</i>” và “<i>Nội dung hỗ trợ</i>” tại Điều 5 là phù hợp.
		- Khoản 2 Điều này: căn cứ khoản 5 Điều 77 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết	Tiếp thu, rà soát bổ sung quy định đối với các địa bàn đã thực hiện dồn điền, đổi thửa

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		thi hành một số điều của Luật Đất đai được bổ sung tại khoản 12 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung về điều kiện hỗ trợ phải đảm bảo phù hợp với “ <i>phương án dồn điền, đổi thửa</i> ” đối với trường hợp “ <i>tập trung đất nông nghiệp</i> ”.	thi việc tích tụ, tập trung đất nông nghiệp phải phù hợp với phương án dồn điền, đổi thửa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật đất đai.
		- Tại khoản 3 Điều này: đề nghị đưa về cùng 1 đơn vị tính “ <i>ha</i> ” hoặc “ <i>m²</i> ” để đảm bảo tính thống nhất của nội dung Điều.	Tiếp thu, rà soát chỉnh sửa, thống nhất đơn vị tính diện tích trong Điều 5 thành “ <i>m²</i> ” để bảo đảm tính đồng bộ, thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện.
		- Đề nghị rà soát, xem xét về căn cứ và sự hợp lý đối với việc quy định “ <i>thời gian hỗ trợ</i> ” để đảm bảo tính khả thi trong cân đối ngân sách.	<i>Ghi nhận:</i> Việc quy định thời gian hỗ trợ được xây dựng trên cơ sở đặc thù của chính sách tích tụ, tập trung đất nông nghiệp. Thực tiễn cho thấy việc vận động người dân tham gia cho thuê đất, góp quyền sử dụng đất hoặc hợp tác để hình thành vùng sản xuất tập trung quy mô lớn gặp nhiều khó khăn do tâm lý giữ đất sản xuất, trong khi hiệu quả đầu tư của tổ chức, cá nhân nhận tích tụ đất nông nghiệp thường chỉ phát huy sau một thời gian ổn định sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng, tổ chức lại đồng ruộng và hình thành liên kết tiêu thụ sản phẩm. Do đó, việc quy định thời gian hỗ trợ trong nhiều năm là cần thiết nhằm tạo động lực đủ mạnh để khuyến khích các bên tham gia tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, bảo đảm tính ổn định của vùng sản xuất tập trung, phù hợp với mục tiêu hình thành các cánh đồng lớn, vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn theo định hướng của Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.



STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
			Mặt khác, quy định về thời gian hỗ trợ chỉ là căn cứ xác định thời gian được hưởng chính sách đối với đối tượng đáp ứng đầy đủ điều kiện hỗ trợ; việc bố trí kinh phí thực hiện chính sách hằng năm vẫn được thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách và dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Vì vậy, quy định này không làm phát sinh nghĩa vụ bố trí kinh phí vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Trên cơ sở đó, cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên quy định về “<i>thời gian hỗ trợ</i>” như dự thảo.
3.5		d) Tại Điều 6, Điều 7 dự thảo Quy định:	
		- Căn cứ điểm b tiết 1.1.1 tiểu mục 1.1 khoản 1, tiểu mục 2.5 khoản 2 Mục III Nghị quyết số 13-NQ/TU và nội dung tương ứng tại Kế hoạch số 53-KH/ĐU, Kế hoạch số 176/KH-UBND thì định hướng giải pháp phát triển chăn nuôi của tỉnh giai đoạn 2026-2030 tập trung vào “<i>nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh (lợn thịt, trâu bò thịt; gia cầm thịt; gia cầm thịt và trứng gia cầm); nhóm đặc sản địa phương (gà Tò, gà Đông Tào); tăng tỷ lệ giống vật nuôi cao sản, nuôi thương phẩm, giảm số lượng vật nuôi sinh sản, chú trọng tăng chất lượng đàn sinh sản; Khuyến khích, hỗ trợ, phát triển ứng dụng khoa học, công nghệ trong thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm</i>”, theo đó đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát nội dung của Điều 6, Điều 7 và cần thiết điều chỉnh các chính sách hỗ trợ đảm bảo phù hợp với định hướng cơ cấu lại ngành bám sát các nội dung trên và Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc sản tỉnh Hưng Yên	<i>Ghi nhận:</i> - Với mục tiêu hỗ trợ <i>nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh (lợn thịt, trâu bò thịt; gia cầm thịt và trứng gia cầm)</i>: các nội dung của chính sách hướng đến mục tiêu hỗ trợ con giống có năng suất, chất lượng tốt được mua từ các cơ sở sản xuất giống đảm bảo chất lượng tốt và các điều kiện về an toàn dịch bệnh nhằm cải thiện chất lượng con giống; tại các hộ chăn nuôi được nuôi trước đây, con giống được tự gây nuôi hoặc mua của các hộ khác không rõ nguồn gốc, không được kiểm soát về an toàn dịch bệnh. - Với mục tiêu: <i>tăng tỷ lệ giống vật nuôi cao sản, nuôi thương phẩm, giảm số lượng vật nuôi sinh sản</i>: với nội dung này, sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu các chính sách về giám định, bình tuyển nhằm

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		ban hành theo Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 của UBND tỉnh, đảm bảo hỗ trợ đúng mục tiêu, đúng đối tượng, không dàn trải và không theo lối mòn. (Ví dụ: theo các định hướng trên thì chính sách “<u>hỗ trợ cho lợn nái, lợn đực giống, hươu, dê</u>” là chưa phù hợp với mục tiêu “<u>giảm số lượng vật nuôi sinh sản</u>”, “<u>tập trung phát triển nhóm đặc sản địa phương, sản phẩm chủ lực của tỉnh</u>” hoặc chính sách “<u>hỗ trợ dàn trải cho các nhóm vật nuôi</u>” chưa phù hợp với định hướng “<u>tăng trưởng tỷ lệ giống vật nuôi cao sản</u>” hoặc chính sách “<u>hỗ trợ mua sắm các loại máy móc hiện đại</u>” chủ yếu phục vụ cho <u>giai đoạn nuôi lớn</u> là chưa phù hợp với mục tiêu “<u>hỗ trợ, phát triển ứng dụng khoa học công nghệ trong thu hoạch sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm</u>”...)	<i>đánh giá chất lượng giống vật nuôi, chọn lọc con giống có năng suất, chất lượng tốt tiếp tục giữ lại làm giống, cá thể có chất lượng kém sẽ được khuyến cáo loại thải. Nhờ có áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật cao trong thụ tinh nhân tạo cho đàn bò thịt, bò sữa, lợn, gà Đông Tảo nên chất lượng con giống đã được cải thiện đáng kể.</i> - Mặt khác: tiến bộ về khoa học kỹ thuật đối với con giống vật nuôi được các nước đặc biệt quan tâm, chất lượng con giống được cải thiện không ngừng, con giống mới ra đời làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng trên thị trường, nên việc xây dựng chính sách hỗ trợ con giống vật nuôi là cần thiết cho trước mắt và lâu dài để đảm bảo phát triển ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. * Về chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ tại các trang trại chăn nuôi (Điều 7) nhằm thực hiện một trong các giải pháp thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-TU ngày 01/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên Khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030 về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045 (<i>mục III.1.1.3. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ.....</i>) và Kế hoạch 154/KH-UBND ngày 04/5/2026 của UBND tỉnh về Kế hoạch phát triển sản xuất chăn nuôi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030 (<i>mục III.4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ trong chăn nuôi</i>).

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
			* Về chính sách “<u>hỗ trợ, phát triển ứng dụng khoa học công nghệ trong thu hoạch sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm</u>”... đã được quy định chung tại Điều 14. Hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (ý 2, mục b nêu: “Hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc, thiết bị, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản sản phẩm nông nghiệp; kết cấu hạ tầng, máy móc, thiết bị phục vụ <u>sơ chế, chế biến, bảo quản gia súc, gia cầm</u> và thủy sản; công trình cấp, thoát nước, công trình xử lý chất thải, hệ thống điện hạ thế phục vụ sản xuất; giao thông khu sản xuất; công trình giới thiệu và quảng bá sản phẩm. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng”).
		- Khoản 3 Điều 6: điểm a khoản này quy định “Hỗ trợ kinh phí khuyến khích áp dụng hiệu quả quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi an toàn VietGAHP cho lợn thịt, gia cầm, hươu, dê, bò”, đồng thời điểm b cũng quy định “Hỗ trợ kinh phí thực hiện mục tiêu phát triển chăn nuôi gia cầm, lợn an toàn sinh học, chăn nuôi an toàn VietGAHP, chăn nuôi bò thịt ... cho Lợn siêu nạc, Gà Đông Tảo...”, theo đó ở đây đang có sự trùng lặp về đối tượng vật nuôi được hưởng hỗ trợ tại hai nội dung hỗ trợ khác nhau. Do đó để đảm bảo không chồng chéo về chính sách, đề nghị Cơ quan soạn thảo quy định rõ ràng, chi tiết về nội dung “Hỗ trợ kinh phí khuyến khích áp dụng hiệu quả quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi an toàn VietGAHP” và “Hỗ trợ kinh phí thực hiện mục tiêu phát triển chăn nuôi gia cầm, lợn an toàn sinh học, chăn	Giải trình: - Hỗ trợ kinh phí khuyến khích áp dụng hiệu quả quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi an toàn VietGAHP cho lợn thịt, gia cầm, hươu, dê, bò: chính sách này nhằm khuyến khích các hộ chăn nuôi áp dụng đúng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi Vietgahp đảm bảo an toàn dịch bệnh như: kiểm soát con giống, thức ăn chăn nuôi, tiêm phòng, thực hành vệ sinh thú y, khử trùng tiêu độc chuồng trại, kiểm soát khách thăm quan..., ghi chép sổ sách, quản lý tốt cơ sở chăn nuôi. - Hỗ trợ kinh phí thực hiện mục tiêu phát triển chăn nuôi gia cầm, lợn an toàn sinh học, chăn nuôi an toàn VietGAHP, chăn nuôi bò thịt ... cho Lợn siêu nạc, Gà Đông Tảo...”: chính



STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		<i>nuôi an toàn VietGAHP, chăn nuôi bò thịt ...”</i> gồm công tác, hoạt động cụ thể nào??? Đối với hỗ trợ “<i>Công giám định, bình tuyển</i>”: đề nghị xem xét cơ sở pháp lý và tính phù hợp vì “<i>Đối tượng hỗ trợ</i>” của Điều 6 là “<i>Cơ sở chăn nuôi</i>”, không là đối tượng thực hiện các công việc giám định hay bình tuyển.	sách này nhằm hỗ trợ mua con giống để cải thiện chất lượng con giống tại cơ sở chăn nuôi, đáp ứng mục tiêu nâng cao tỷ lệ giống vật nuôi cao sản trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch phát triển chăn nuôi giai đoạn 2026-2030. - Đối với hỗ trợ “<i>Công giám định, bình tuyển</i>”: đây là chính sách hỗ trợ cho người đi thực hiện giám định, bình tuyển, chính sách này đã được triển khai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (cũ), đối với nội dung này xin tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị quyết.
		- Điều 7 trùng nội dung hỗ trợ với Điều 17 của dự thảo Quy định, đề nghị xem xét, chỉnh sửa tránh chồng chéo nội dung trong văn bản.	Tiếp thu ý kiến; chỉnh sửa nội dung hỗ trợ tại Điều 7 và Điều 17. Bỏ nội dung hỗ trợ bị trùng tại Điều 17.
3.6		e) Điều 8 và Điều 13	
		Điều 8 và Điều 13 dự thảo Quy định: căn cứ mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp là tập trung “<i>phát triển phòng thí nghiệm, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất cao, chất lượng, giá trị gia tăng cao và khả năng chống chịu với sâu, dịch bệnh, biến đổi khí hậu ... và tăng trưởng tỷ lệ <u>giống vật nuôi cao sản</u></i>” do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát, xem xét việc hỗ trợ cho hoạt động “<i>sản xuất giống vật nuôi nói chung</i>” có đảm bảo mục tiêu trên không?. Đồng thời đối với mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp và căn cứ các chính sách tại Nghị quyết số 796/2025/NQ-HĐND ngày 9/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, phát triển các phòng thí nghiệm, tổ chức khoa học và công nghệ lĩnh vực giống cây trồng đề nghị xem xét về sự phù hợp, tính cần thiết của các chính sách	<i>Giai trình:</i> Mục tiêu đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ tại Điều 8 và Điều 13 là khác nhau, cụ thể: - Đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ tại Điều 8: Hiện nay trên địa bàn tỉnh các cơ sở sản xuất giống vật nuôi còn ít; các giống vật nuôi đang được người chăn nuôi sử dụng để chăn nuôi phần lớn đang phải nhập từ tỉnh ngoài về để sản xuất. Nhằm đáp ứng nhu cầu con giống vật nuôi cho các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, việc hỗ trợ cơ sở nuôi đàn giống cấp ông bà và đàn giống cấp bố mẹ để sản xuất nguồn giống vật nuôi chủ lực cấp bố mẹ và con thương phẩm trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết - là nhiệm vụ sản xuất giống. Đồng thời về điều kiện hỗ trợ đã quy định: (1) Đàn giống cấp ông bà và đàn giống cấp bố mẹ để sản xuất nguồn giống vật nuôi chủ lực cấp bố mẹ và con thương phẩm; (2)

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		này.	Giống vật nuôi chủ lực cấp bố mẹ và con thương phẩm thuộc danh mục các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; (3) Đáp ứng điều kiện chăn nuôi theo Điều 55; Điều 56; khoản 2, Điều 57 của Luật chăn nuôi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Danh mục vật nuôi chủ lực cấp bố mẹ và con thương phẩm thuộc danh mục các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh; Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc sản tỉnh Hưng Yên được UBND tỉnh ban hành theo Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 02/6/2026. - Đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ tại Điều 13 là hỗ trợ nuôi giữ, khảo nghiệm giống vật nuôi, giống thủy sản - là nhiệm vụ để nuôi giữ, khảo nghiệm khảo nghiệm giống vật nuôi, giống thủy sản theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 đảm bảo lưu giữ, bảo tồn nguồn gen tốt của những giống vật nuôi, thủy sản giá trị cao phục vụ nâng cao giá trị sản xuất; đồng thời bảo vệ nguồn gen vật nuôi, thủy sản quý. Do đó, đề xuất giữ nguyên cơ chế chính sách hỗ trợ tại Điều 8 và Điều 13 (<i>Điều 9 và Điều 14 của Dự thảo sau khi chỉnh sửa</i>).
3.7		<i>f) Điều 10 dự thảo</i>	
		f) Điều 10 dự thảo Quy định: căn cứ khoản 3 Điều 6 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y thì nội dung chi từ ngân sách nhà nước gồm “ <i>Hỗ trợ xây dựng vùng an toàn dịch bệnh động vật</i> ”, do đó	<i>Giai trình:</i> + Tại Điểm b Khoản 2 Điều 4 Luật Chăn nuôi quy định chính sách của Nhà nước về chăn nuôi, gồm: “Xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học; xử lý

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		việc quy định hỗ trợ cho “ <i>cơ sở an toàn dịch bệnh động vật</i> ” và “ <i>hỗ trợ duy trì</i> ” là chưa phù hợp với nội dung chi trên. Vậy, đề nghị xem xét chỉnh sửa nội dung này.	môi trường chăn nuôi; <u>phát triển các mô hình thực hành chăn nuôi tốt</u> ; di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi thành phố, xã, phường, đặc khu, cộng đồng dân cư không được phép chăn nuôi”. + Tại điểm a khoản 2 Điều 5 Luật Thú y có quy định: “ <i>xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật</i> ” là hoạt động được Nhà nước khuyến khích. Do vậy, việc xây dựng chính sách hỗ trợ cho các mô hình “ <i>cơ sở an toàn dịch bệnh động vật</i> ” và “ <i>hỗ trợ duy trì</i> ” cho cơ sở an toàn dịch bệnh là phù hợp với Luật Chăn nuôi và Luật Thú y (quy định tại Điều 11 của Dự thảo sau khi chỉnh sửa).
3.8		g) Điều 11 dự thảo	
		g) Điều 11 dự thảo Quy định: căn cứ khoản 5 Mục III Kế hoạch số 53-KH/ĐU và nội dung tương ứng tại Kế hoạch số 176/KH-UBND xác định “ <i>hoàn thiện hệ thống cơ sở giết mổ</i> ”, “ <i>khuyến khích đầu tư phát triển nhà máy giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm tập trung ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp</i> ”, đề nghị xem xét về sự phù hợp của nội dung hỗ trợ “ <i>Xây dựng mới hoặc nâng cấp cải thiện điều kiện vệ sinh thú y với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm</i> ” tại Điều này với định hướng, chủ trương của tỉnh.	<i>Giải trình:</i> Điều 11. Hỗ trợ xây dựng mới hoặc nâng cấp cải thiện điều kiện vệ sinh thú y với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm 1. Đối tượng được hỗ trợ: Cơ sở giết mổ tập trung tạm thời được Ủy ban nhân dân cấp xã quy hoạch, bố trí 2. Điều kiện hỗ trợ: - Địa điểm thực hiện hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm phù hợp với quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. - Tổ chức, cá nhân có hoạt động giết mổ được thành lập, đăng ký, hoạt động theo quy định của Pháp luật. - Đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y đáp ứng điều kiện về cơ sở quy định tại khoản 2 Điều

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
			69 Luật Thú y và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với nội dung hỗ trợ. 3. Nội dung, mức hỗ trợ: - Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng khu vực giết mổ, sơ chế; khu xử lý chất thải; hệ thống điện, nước và mua trang thiết bị phục vụ hoạt động giết mổ. Mức hỗ trợ như sau: a) Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm - Giết mổ từ 30-50 con lợn/ngày hoặc 800 - 1.000 con gia cầm/ngày: hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư và không quá 01 tỷ đồng/cơ sở. - Giết mổ từ 50 con lợn/ngày trở lên hoặc từ 1.000 con gia cầm/ngày trở lên: hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư và không quá 02 tỷ đồng/cơ sở. b) Cơ sở giết mổ trâu, bò - Giết mổ từ 05-10 con/ngày: hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư và không quá 700 triệu đồng/cơ sở; - Giết mổ trên 10 con/ngày trở lên: hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư và không quá 1,5 tỷ đồng/cơ sở. 4. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng, 01 lần/01 cơ sở đủ điều kiện. Giải trình: - Chủ trương của tỉnh vẫn là khuyến khích đầu tư phát triển nhà máy giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm tập trung ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: (được hỗ trợ tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày



STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
			17/4/2018); Tuy nhiên việc kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này chưa hiệu quả do yêu cầu quỹ đất sử dụng lớn, phải đầu tư nhiều nên việc xây dựng khu giết mổ tập trung quy mô lớn chưa thu hút được doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn tỉnh trong nhiều năm qua. - Hiện nay trên địa bàn tỉnh còn trên 2.211 cơ sở, điểm giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ nằm xen kẽ trong khu dân cư; hoạt động tự phát, chưa đáp ứng yêu cầu về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và chưa được kiểm soát giết mổ theo quy định. Đây là một trong những khó khăn, tồn tại cần được giải quyết nhằm từng bước xây dựng mạng lưới cơ sở giết mổ tập trung, bảo đảm quản lý nhà nước về thú y, an toàn thực phẩm và phòng, chống dịch bệnh. Theo Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 04/5/2026 của UBND tỉnh về xây dựng mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và triển khai công tác quản lý giết mổ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030, đối với các địa bàn chưa có cơ sở giết mổ tập trung, UBND cấp xã thực hiện rà soát, quy hoạch, bố trí địa điểm và quỹ đất phù hợp để xây dựng mới hoặc nâng cấp các cơ sở giết mổ hiện có thành cơ sở giết mổ tập trung tạm thời, bảo đảm đáp ứng các điều kiện về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và thực hiện kiểm soát giết mổ theo quy định. Do đó, quan điểm theo nội dung hỗ trợ “xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải thiện điều kiện

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
			vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm” không trái với định hướng phát triển cơ sở giết mổ tập trung của tỉnh mà là đây là giải pháp chuyển tiếp thực sự cần thiết để từng bước sắp xếp, hình thành mạng lưới cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch, phù hợp với điều kiện thực tế của nhiều tỉnh, thành nói chung và Hưng Yên nói riêng trong lĩnh vực an toàn thực phẩm tình hình hiện nay, đảm bảo cơ sở đủ điều kiện để giết mổ và được thực hiện kiểm soát giết mổ; đồng thời quản lý chặt chẽ nguồn cung thịt và sản phẩm động vật sau giết mổ tại các chợ, điểm kinh doanh thực phẩm đảm bảo rõ nguồn gốc xuất xứ, an toàn thực phẩm, sản phẩm động vật sau giết mổ có kiểm soát của cơ quan chức năng trước khi đưa ra thị trường. Chính sách này phù hợp với Kế hoạch số 153/KH-UBND, góp phần thực hiện nghiêm Pháp luật về Thú y; góp phần bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường. (quy định tại Điều 12 của Dự thảo sau khi chỉnh sửa)
3.9		<i>h) Điều 12 dự thảo</i>	
		h) Điều 12 dự thảo Quy định: định hướng của tỉnh về phát triển thủy sản và kinh tế biển tại Nghị quyết số 13-NQ/TU, Kế hoạch số 53-KH/ĐU, Kế hoạch số 176/KH-UBND gồm “<i>thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển nuôi biển (vùng ngoài 6 hải lý), phát triển nuôi cá lồng trên hệ thống sông Hồng, sông Luộc, sông Trà Lý</i>”, mặt khác hiện nay tỉnh đang tập trung phát triển nông	<i>Giai trình:</i> - Theo Nghị quyết số 13-NQ/TU, Kế hoạch số 53-KH/ĐU và Kế hoạch số 176/KH-UBND, tỉnh định hướng phát triển đa dạng các hình thức nuôi trồng thủy sản, gồm nuôi biển, nuôi cá lồng trên hệ thống sông lớn và phát triển NTTS nội đồng theo hướng hàng hóa, công nghệ cao. Trong đó, các định

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		ngành ứng dụng công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, do đó cần xem xét, đánh giá sự phù hợp, tính cần thiết của chính sách này với định hướng, chủ trương của tỉnh.	hướng về nuôi biển và nuôi cá lồng chủ yếu phát triển tại khu vực sông lớn và vùng ven biển, trong khi quỹ đất nông nghiệp nội đồng vẫn còn nhiều diện tích trũng thấp, ngập úng, cây lúa kém hiệu quả hoặc bị bỏ hoang. - Mô hình nuôi thủy sản trong ao bán nổi nhằm chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả, tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích, đồng thời gắn với ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa và công nghệ cao trong NTTS. Do đó, chính sách không trùng lặp hay mâu thuẫn với định hướng nuôi biển và nuôi cá lồng, mà mang tính bổ sung, hoàn thiện không gian phát triển thủy sản của tỉnh theo hướng đa dạng hóa loại hình sản xuất, phù hợp với điều kiện tự nhiên từng vùng và bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống chính sách phát triển ngành thủy sản của tỉnh.
3.10		<i>i) Điều 14 dự thảo</i>	
		i) Điều 14 dự thảo Quy định: đề nghị bổ sung mức hỗ trợ tối đa “không quá ... triệu đồng” đối với quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.	Tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa dự thảo Tại điểm a khoản 3: a) Hỗ trợ 100% kinh phí triển khai các hội nghị đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết xây dựng, quản lý các tổ chức, cá nhân sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm sản và thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm nhưng không quá 65 triệu/hội nghị. (quy định tại Điều 15 của Dự thảo sau chỉnh sửa)
3.11		<i>k) Điều 15 dự thảo</i>	

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		k) Điều 15 dự thảo Quy định: đề nghị rà soát, đối chiếu nội dung hỗ trợ này với mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên hiện đã hoàn thiện quy trình xây dựng, dự kiến trình ban hành trong kỳ họp định kỳ tháng 7/2026 nhằm đảm bảo tính thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tỉnh và không chồng chéo về chính sách.	Tiếp thu ý kiến, đã rà soát và chỉnh sửa được quy định theo Điều 16 của Dự thảo sau khi chỉnh sửa.
3.12		l) Điều 16 dự thảo	
		l) Điều 16 dự thảo Quy định: quy định “Đối tượng hỗ trợ” viện dẫn tới Điều 2 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP là chưa phù hợp, đề nghị nêu cụ thể cho chính xác. Tại khoản 4 Điều này: việc giao “Cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện” nội dung hỗ trợ nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là chưa phù hợp về giao thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.	- Tiếp thu, chỉnh lý - Nội dung hỗ trợ nhân rộng mô hình theo điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP bao gồm: tổ chức hội nghị, hội thảo phổ biến kinh nghiệm; tham quan, khảo sát; tư vấn, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh. Nội dung này do cơ quan chuyên môn (Sở NN&MT thực hiện là phù hợp)
3.13		m) Điều 17 dự thảo Quy định:	
		m) Điều 17 dự thảo Quy định: - Đối với nội dung hỗ trợ “xây dựng công trình đường giao thông nội đồng, kênh mương nội đồng, công trình xử lý chất thải, nước thải, hệ thống điện đến chân hàng rào trang trại”: căn cứ Phụ lục phân công trách nhiệm các cơ quan, đơn vị thực hiện nội dung Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy UBND tỉnh kèm theo Kế hoạch số 53-KH/TU và Phụ lục một số chương trình Đề án, Dự án, Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2026-2030 kèm theo Kế hoạch	Tiếp thu ý kiến, đã rà soát chỉnh sửa theo Điều 18 của Dự thảo (sau chỉnh sửa)



STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		số 176/KH-UBND nhận thấy Sở Nông nghiệp đồng thời được giao chủ trì soạn thảo các dự thảo Nghị quyết khác gồm “<i>Quy định về hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi</i>” và “<i>Cơ chế chính sách khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đô thị, nông thôn, làng nghề và các khu sản xuất tập trung</i>” (thực hiện tháng 5/2026 và Quý III/2026), do đó cần rà soát các dự thảo văn bản liên quan để đảm bảo nội dung tại Điều này không chồng chéo nội dung của 02 văn bản trên khi được ban hành. - Đối với nội dung hỗ trợ “<i>đầu tư trang thiết bị, dụng cụ, phần mềm thực hiện ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số</i>”: theo định hướng đã trình bày tại Điều 7 dự thảo Quy định thì “<i>Khuyến khích, hỗ trợ, phát triển ứng dụng khoa học, công nghệ trong thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm</i>”, do đó đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát nội dung của Điều và xem xét điều chỉnh các chính sách hỗ trợ đảm bảo phù hợp với định hướng cơ cấu lại ngành bám sát các nội dung trên.	Tiếp thu, chỉnh sửa bỏ nội dung này, do trùng với Điều 25 của Dự thảo (sau chỉnh sửa)
3.14		<i>n) Điều 18 dự thảo</i>	
		n) Điều 18 dự thảo Quy định: căn cứ định hướng cơ cấu ngành nông nghiệp tại khoản 2 Mục III Kế hoạch số 53-KH/ĐU và nội dung tương ứng tại Kế hoạch số 176/KH-UBND trong đó “<i>Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp, làng nghề truyền thống gắn với di tích lịch sử, tâm linh, truyền thống văn hóa</i>”, do đó đề nghị xem xét chỉnh sửa nội dung của Điều này (<i>tập trung đối tượng hỗ trợ là “làng nghề truyền thống” và điều kiện hỗ trợ cần bổ sung nội dung “làng nghề truyền thống gắn với di tích lịch sử, tâm linh,</i>	Tiếp thu ý kiến, đã rà soát nội dung Điều 18 dự thảo Quy định, đơn vị xin giải trình như sau: Chính sách tại Điều 18 được xây dựng trên cơ sở Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và các văn bản hướng dẫn có liên quan, bảo đảm phạm vi hỗ trợ đối với các loại hình ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh. Thực tiễn trên địa bàn tỉnh hiện nay có 160 làng nghề đã được UBND tỉnh công nhận,

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		<i>truyền thông văn hóa</i> ") đảm bảo phù hợp, thống nhất với mục tiêu định hướng của cơ quan có thẩm quyền.	trong đó mới có 08 làng nghề được công nhận là làng nghề truyền thống. Trên cơ sở ý kiến thẩm định là tập trung đối tượng hỗ trợ là "làng nghề truyền thống" và điều kiện hỗ trợ cần bổ sung nội dung "làng nghề truyền thống gắn với di tích lịch sử, tâm linh, truyền thống văn hóa" trong giai đoạn hiện nay sẽ làm thu hẹp phạm vi thụ hưởng chính sách đối với các làng nghề. Do đó, để bảo đảm phù hợp với Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, đồng thời bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của chính sách trong thực tiễn, cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên phạm vi đối tượng hỗ trợ theo dự thảo để tạo điều kiện cho các làng nghề, làng nghề truyền thống có động lực từng bước củng cố, phát triển, tiến tới hình thành các mô hình gắn với di tích lịch sử, tâm linh và truyền thống văn hóa, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh. (quy định như Điều 19 của Dự thảo sau chỉnh sửa)
3.15		<i>o) Điều 19 dự thảo</i>	
		o) Điều 19 dự thảo Quy định: nội dung hỗ trợ của chính sách này được xây dựng căn cứ Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025, tuy nhiên theo điểm a khoản 3 Điều 1 Quyết định số 919/QĐ-TTg đã xác định rõ " <u>Chương trình OCOP được triển khai thực hiện đến hết năm 2025</u> " do đó đề nghị Cơ	<i>Giải trình:</i> - Căn cứ xây dựng cơ chế chính sách: Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035,

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		quan soạn thảo căn cứ kết quả tổng kết thực hiện Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên (trước sáp nhập) về việc tiếp tục thực hiện đề án mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025 để đánh giá hiệu quả, tính khả thi của các nội dung hỗ trợ, cũng như rà soát lại, đề xuất, thuyết minh cơ sở xây dựng các nội dung hỗ trợ phù hợp, sát với tình hình thực tiễn. Cần lưu ý những nội dung hỗ trợ đã thực hiện ở giai đoạn 2021-2025 mang tính ổn định lâu dài như cơ sở hạ tầng các khu, vùng nguyên liệu cần đánh giá được tính cần thiết tiếp tục thực hiện trong giai đoạn mới này không?	giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030; Khoản 2 Điều 19 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Điều 7 Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030. - Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, phát triển sản phẩm OCOP trong giai đoạn mới theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị gắn với tiềm năng, thế mạnh, giá trị văn hóa địa phương thì việc phát triển vùng nguyên liệu địa phương (xây dựng và đầu tư cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu) có vai trò quan trọng quyết định chất lượng sản phẩm, ổn định sản xuất, đáp ứng yêu cầu của thị trường và hướng đến xuất khẩu. Vì vậy việc hỗ trợ cơ sở hạ tầng các khu, vùng nguyên liệu cần được tiếp tục triển khai trong giai đoạn mới

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		- Về đối tượng hỗ trợ: đề nghị bổ sung “ <i>hộ gia đình có đăng ký kinh doanh</i> ” cho đầy đủ, thống nhất với Quyết định số 26/2026/QĐ-TTg ngày 22/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm mỗi xã một sản phẩm.	Tiếp thu ý kiến, đã chỉnh sửa trong dự thảo
		- Vì công tác đánh giá xếp hạng sản phẩm OCOP diễn ra định kỳ và thời hạn tối đa công nhận là 36 tháng do đó cần bổ sung điều kiện về “ <i>số lần được hưởng hỗ trợ</i> ” của sản phẩm hoặc dự án hoặc chủ thể sản xuất.	Tiếp thu ý kiến, đã chỉnh sửa bổ sung trong dự thảo
		- Phương thức hỗ trợ: việc giao HĐND tỉnh giao Cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện là không phù hợp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương đồng thời không thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều này về “ <i>Đối tượng hỗ trợ</i> ”.	Tiếp thu ý kiến, đã sửa đổi trong dự thảo
4.16		p) Điều 20 và Điều 21 dự thảo	
		p) Điều 20 và Điều 21 dự thảo Quy định: Theo Nghị quyết số 775/2025/NQ-HĐND thì người sử dụng đất trồng lúa đã được hỗ trợ kinh phí để áp dụng vào quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận. Như vậy nếu tiếp tục hỗ trợ cho người trồng lúa trường hợp ứng dụng công nghệ, tiến bộ kỹ thuật vào hoạt động sản xuất sẽ dẫn đến trùng nội dung giữa các chính sách. - “<i>Mạ khay, máy cấy</i>” trong thời gian qua đã được sử dụng khá rộng rãi trên toàn tỉnh nên cần đánh giá về tính mới, hiệu quả đột	Tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa và giải trình: Nghị quyết số 775/2025/NQ-HĐND quy định hỗ trợ người sử dụng đất trồng lúa áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan có thẩm quyền công nhận nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa. Trong khi đó, các nội dung tại Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của dự thảo không chỉ nhằm hỗ trợ áp dụng tiến bộ kỹ thuật đơn thuần mà tập trung giải quyết các nút thắt trong quá trình tái cơ cấu ngành trồng trọt của tỉnh, cụ thể: Điều 20 hỗ trợ mở rộng diện tích áp dụng mạ

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		phá khi được triển khai hỗ trợ. - Nội dung hỗ trợ có sự chồng chéo và trùng lặp “<i>Hỗ trợ cho người ứng dụng mạ khay, cấy máy mua giống lúa, phân bón và các vật tư gieo mạ khay</i>” trong đó gồm tiền mua khay gieo mạ nhưng đồng thời cũng “<i>hỗ trợ người sản xuất mạ khay kinh phí mua khay gieo mạ</i>”. - Đối tượng được hưởng hỗ trợ tại khoản 1 Điều 20 không quy định rõ ràng, cụ thể là “<i>người có đất trồng lúa</i>” hay “<i>người làm dịch vụ cấy máy</i>” vì nội dung hỗ trợ gồm cả “<i>kinh phí vật tư, kinh phí thuê cấy máy</i>” và “<i>chi phí chuyển giao kỹ thuật, đào tạo kỹ năng vận hành và bảo dưỡng máy cấy</i>”.	khay, máy cấy nhằm giải quyết tình trạng thiếu lao động nông nghiệp, già hóa lao động nông thôn và thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa. Điều 21 hỗ trợ hình thành các cơ sở sản xuất mạ khay chuyên nghiệp, tạo năng lực cung ứng dịch vụ cho các vùng sản xuất tập trung; đây là đối tượng cung ứng dịch vụ, không phải đối tượng sử dụng đất trồng lúa. Điều 22 hỗ trợ xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong canh tác lúa quy mô tập trung, bao gồm chuyển giao kỹ thuật, tổ chức sản xuất, sử dụng thiết bị bay không người lái và các giải pháp nông nghiệp chính xác. Như vậy, mục tiêu, đối tượng và nội dung hỗ trợ của các chính sách trên có sự khác biệt với chính sách hỗ trợ chung đối với người sử dụng đất trồng lúa theo Nghị quyết số 775/2025/NQ-HĐND. Để tránh chồng chéo, cơ quan soạn thảo sẽ rà soát và bổ sung nguyên tắc: “Không hỗ trợ đối với các nội dung đã được hưởng từ chính sách khác của ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung và cùng một thời điểm”.
4.17		q) Điều 22 dự thảo	
		q) Điều 22 dự thảo Quy định: - Như phân tích ở Điều 20 và Điều 21 dự thảo Quy định: quy định chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ cho <u>canh tác lúa</u> sẽ bị chồng chéo với nội dung Nghị quyết số 775/2025/NQ-HĐND, do	Tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa và giải trình: Mặc dù kỹ thuật mạ khay, máy cấy đã được áp dụng tại một số địa phương trong tỉnh, tuy nhiên diện tích áp dụng trên tổng diện tích gieo cấy lúa vẫn còn hạn chế, chưa hình thành được các vùng

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		đó đề nghị xem xét, nghiên cứu về hoạt động này. - Điểm a khoản 3: nội dung của điểm này không thống nhất với tên của Điều vì ngoài hỗ trợ “<i>chuyển giao</i>” còn bao gồm hỗ trợ “<i>chi phí mua vật tư sản xuất, thuê dịch vụ thiết bị bay, xây dựng và lắp đặt hệ thống sản xuất...</i>”. Đồng thời chỉnh sửa cụm từ “<i>Hỗ trợ tối đa 30%...</i>” thành “<i>Hỗ trợ ...%</i>” đảm bảo tính chính xác của văn bản. - Điểm b khoản 3 dẫn đến điểm c khoản này nhưng trong nội dung không có điểm c, đề nghị kiểm tra, xem xét nội dung này.	sản xuất tập trung quy mô lớn. Việc hỗ trợ trong giai đoạn hiện nay không nhằm thử nghiệm công nghệ mới mà nhằm đẩy nhanh tốc độ nhân rộng, tăng tỷ lệ cơ giới hóa khâu gieo cấy, giảm lao động thủ công, giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả sản xuất lúa hàng hóa. Đối với nội dung hỗ trợ có liên quan đến khay gieo mạ: - Điều 20 hỗ trợ người trực tiếp sản xuất lúa hoặc thuê dịch vụ mạ khay, máy cấy để triển khai sản xuất trên đồng ruộng. - Điều 21 hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất mạ khay phục vụ cung ứng dịch vụ cho nhiều hộ sản xuất. Do đối tượng và mục đích hỗ trợ khác nhau nên không phải là hỗ trợ trùng lặp. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo sẽ rà soát quy định theo hướng không hỗ trợ hai lần đối với cùng một khối lượng khay gieo mạ từ ngân sách nhà nước. Đối với đối tượng thụ hưởng tại Điều 20, cơ quan soạn thảo sẽ chỉnh sửa theo hướng: “Đối tượng hỗ trợ là tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất lúa áp dụng mạ khay, máy cấy; tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ mạ khay, máy cấy được hỗ trợ nội dung đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, vận hành thiết bị.” Việc quy định rõ từng nhóm đối tượng tương ứng với từng nội dung hỗ trợ sẽ bảo đảm thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện.



STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
4.18		<i>r) Điều 23 dự thảo</i>	
		r) Điều 23 dự thảo Quy định: đề nghị xem xét bỏ điều này vì cơ giới hóa, ứng dụng khoa học, công nghệ cần phải gắn liền với một mục tiêu nhất định, trong khi đó các Điều khác của dự thảo Quy định đã quy định khá rõ ràng các mục tiêu này. Do vậy Điều 23 chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ mua sắm máy móc mà không xác định để phục vụ cho 1 mục tiêu hay gắn liền với giải pháp cụ thể nào để thực hiện cơ cấu lại ngành, có thể xác định đây là một chính sách giản trái, thiếu chặt chẽ, không có tính thuyết phục và có thể gây lãng phí ngân sách.	Tiếp thu một phần ý kiến của Sở Tư pháp và đã rà soát, chỉnh sửa nội dung Điều 23 theo hướng làm rõ mục tiêu của chính sách hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp. Việc xây dựng chính sách hỗ trợ cơ giới hóa không nhằm hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị một cách dàn trải mà là một trong những giải pháp để thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp đã được xác định tại Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030, đặc biệt là nhiệm vụ đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng cường cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp. Nghị quyết xác định mục tiêu đến năm 2030 đạt 100% diện tích đất trồng trọt được cơ giới hóa khâu làm đất, trên 50% diện tích đất trồng lúa được cấy bằng máy, 100% diện tích lúa được thu hoạch bằng máy; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, kỹ thuật số, thiết bị bay không người lái và các công nghệ tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở ý kiến thẩm định, cơ quan soạn thảo nghiên cứu chỉnh sửa Điều 23 theo hướng tập trung hỗ trợ các đối tượng mua các loại máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho mục tiêu cơ giới hóa, tự động hóa các khâu sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản, gồm: Máy cấy, máy gặt đập liên hợp, máy làm đất, kho lạnh, hệ thống thiết bị sấy, thiết bị bay không người lái

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
			<i>(Drone), thiết bị cuộn rơm rạ;</i> nhằm bảo đảm chính sách được thực hiện đúng đối tượng, đúng mục tiêu, tránh hỗ trợ dàn trải và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Do đó, cơ quan soạn thảo đề nghị thực hiện Điều 23 dự thảo Quy định để làm cơ sở thực hiện các mục tiêu về cơ giới hóa, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong nông nghiệp theo định hướng của Nghị quyết số 13-NQ/TU.
4.19		s) Điều 24 dự thảo	
		s) Điều 24 dự thảo Quy định: đề nghị căn cứ vào quy định về giải thích từ ngữ trong Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, nội dung của Điều xem xét, chỉnh sửa tên của Điều cho thống nhất, khái quát nội dung. Đồng thời đề nghị rà soát về tính logic, hợp lý của mức hỗ trợ tại điểm b và điểm d khoản 3 Điều này “<i>Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn giải pháp ...không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm</i>”. Mặt khác nhận thấy nội dung hỗ trợ tại điểm b và c chứa nhiều nội dung tương đồng, đề nghị xem xét.	Tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa và giải trình: 1. Về tên Điều 24 Tên Điều 24 được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định của Nghị định số 113/2024/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã. Do đó, đề nghị giữ nguyên tên Điều để bảo đảm tính thống nhất với quy định hiện hành. 2. Về mức hỗ trợ tại điểm b và điểm d khoản 3 Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm được xây dựng trên cơ sở tham khảo quy định tại khoản 1, Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ. Do đó, đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo. 3. Về nội dung hỗ trợ tại điểm b và điểm c khoản 3 Điểm b quy định hỗ trợ chi phí tư vấn giải pháp chuyển đổi số; điểm c quy định hỗ trợ chi phí thuê, mua và triển khai giải pháp chuyển đổi số. Hai nội dung hỗ trợ có phạm vi và tính chất khác nhau, được thực hiện theo các giai đoạn khác nhau của quá trình chuyển đổi số nên

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
			không trùng lặp. Và được xây dựng trên cơ sở kế thừa Nghị định 113/2024/NĐ-CP và khoản 1, 2 Điều 11, Nghị định 80/2021/NĐ-CP
4.20		t) Tên của Mục 5 và Điều 25	
		t) Tên của Mục 5 và Điều 25: căn cứ tiểu mục 2.10 khoản 2 Mục III Nghị quyết số 13-NQ/TU, đề nghị sử dụng thống nhất cụm từ “<i>nông nghiệp tuần hoàn</i>” cho phù hợp. - Điều 25: đề nghị rà soát nội dung của toàn bộ Điều này vì nội dung của điều chưa quy định rõ ràng, qua nghiên cứu nhận thấy khoản 3 chỉ bao gồm các hoạt động phụ trợ để xây dựng và phát triển mô hình nông nghiệp tuần hoàn, tuy nhiên hiện đang quy định mức hỗ trợ tính theo dự án hoặc mô hình là không phù hợp, cần nghiên cứu thay đổi thành hoạt động/nhiệm vụ hoặc hợp đồng thực hiện nhiệm vụ. Đề nghị quy định cụ thể căn cứ pháp lý để “<i>đánh giá, nghiệm thu mô hình nông nghiệp tuần hoàn</i>”. Căn cứ này rất quan trọng vì nó là cơ sở để xét duyệt mô hình đủ điều kiện hưởng chính sách, đồng thời thống nhất việc sử dụng cụm từ “<i>mô hình</i>” hay “<i>dự án</i>”.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa trong dự thảo
4.21		v) Điều 26 dự thảo	
		v) Điều 26 dự thảo Quy định: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ thì “<i>Trường hợp cần thiết, tùy theo điều kiện thực tế, trên cơ sở cân đối nguồn lực tài chính của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định ban hành chính sách hỗ trợ bổ sung ngoài các chính sách quy định tại Nghị định này;</i>”, vì các nội dung tại khoản 3 Điều	Tiếp thu, đã rà soát chỉnh sửa. Tuy nhiên đề xuất giữ nội dung quy định tại Điều 26 dự thảo. Trong dự thảo đã quy định chính sách hỗ trợ bổ sung ngoài các chính sách quy định Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		này Cơ quan soạn thảo giữ nguyên theo quy định của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP nên việc quy định lại chính sách hỗ trợ tại Nghị định là không cần thiết, do đó đề nghị xem xét bỏ Điều này .	
4.22		y) Điều 27 dự thảo	
		y) Điều 27 dự thảo Quy định: căn cứ điểm b khoản 4 Điều 5 Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản quy định “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, các cơ chế, chính sách hiện hành, sử dụng ngân sách địa phương, nguồn hỗ trợ từ các chương trình, dự án của Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác, quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho các nội dung quy định tại Quyết định này.”, điểm b khoản 2 Điều 9 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản quy định “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, các cơ chế chính sách hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này, sử dụng ngân sách địa phương, nguồn hỗ trợ từ các Chương trình, Dự án Trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho các nội dung quy định tại Điều 8 của Thông tư này.”, theo đó thẩm quyền quyết định các mức hỗ trợ cho các nội dung liên quan sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp và thủy sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, do đó đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét tính phù hợp về thẩm quyền ban hành của Điều này.	Tiếp thu ý kiến. Tuy nhiên, Điều 27 dự thảo Quy định được xây dựng nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển sản xuất nông nghiệp an toàn, nâng cao chất lượng, giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp theo Nghị quyết số 13-NQ/TU của Tỉnh ủy; đồng thời kế thừa các nội dung hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt quy định tại Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013. Việc quy định mức hỗ trợ cụ thể trong dự thảo nhằm làm căn cứ xác định nhu cầu kinh phí, khả năng cân đối ngân sách địa phương và tổ chức thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh. Qua nghiên cứu thực tiễn, một số địa phương đã ban hành Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định nội dung và mức hỗ trợ cụ thể đối với hoạt động áp dụng các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, GlobalGAP và các tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp tiên tiến khác từ nguồn ngân sách địa phương. Do đó, cơ quan soạn thảo đề nghị giữ

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
			nguyên quy định tại Điều 27 dự thảo Quy định.
4.	III. NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HÀNH NGHỊ QUYẾT	Theo ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn tham gia số 2164/STC-KTXH ngày 26/4/2026 thì “Về nguồn lực thực hiện chính sách: Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa đánh giá, làm rõ kinh phí, phân nguồn kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách nên Sở Tài chính chưa có ý kiến tham gia về nội dung này. Bên cạnh đó, để hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả hỗ trợ của nguồn vốn ngân sách nhà nước; đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, đề xuất những nội dung hỗ trợ có tính chất cấp bách (như phòng trừ dịch bệnh) hoặc những nội dung cần hỗ trợ để dân dất, tạo đột phá phát triển. Hạn chế việc tham mưu dàn trải quá nhiều nội dung chính sách (theo dự thảo Quy định này), làm phân tán nguồn lực, giảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.”. Theo đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, rà soát lại toàn bộ nội dung của các chính sách hỗ trợ tại Dự thảo Nghị quyết để bổ sung dự toán ngân sách tổng thể cho giai đoạn và dự toán từng năm, từng chính sách khi hỗ trợ quy định tại dự thảo Quy định nhằm đảm bảo tính khả thi của dự thảo Nghị quyết và đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.	Tiếp thu, đã rà soát toàn bộ dự thảo. Sở Nông nghiệp và Môi trường, dự kiến nguồn kinh phí thực hiện cơ chế chính sách báo cáo UBND tỉnh, HĐND tỉnh
5.	IV. VỀ NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN	1. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo Đề dự thảo Nghị quyết hoàn chỉnh, phù hợp và thống nhất về kỹ thuật soạn thảo, đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau như sau: a) Đề nghị thực hiện viện dẫn các văn bản quy phạm pháp luật tại dự thảo Quy định đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 68 Nghị định 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. b) Đề nghị không viết tắt đối với các cụm từ: THT, HTX, LH HTX đảm bảo tính thống nhất, dễ hiểu của văn bản quy phạm.	Tiếp thu, đã rà soát toàn bộ dự thảo

STT	Nhóm vấn đề/điều khoản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu/ Giải trình
		c) Đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát kỹ toàn bộ dự thảo Nghị quyết để chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật hoặc lỗi đánh máy... (nếu có), tránh sai sót khi Nghị quyết đã được ban hành. 2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản Cơ quan soạn thảo văn bản xây dựng và trình ban hành phù hợp với trình tự, thủ tục quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP	
6.	V. VỀ ĐIỀU KIỆN TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH	Đề nghị Cơ quan soạn thảo trên cơ sở các ý kiến tại Báo cáo này thực hiện nghiên cứu, rà soát, xem xét, chỉnh sửa (về phạm vi, đối tượng điều chỉnh, nội dung dự thảo Nghị quyết theo đúng định hướng tại Nghị quyết số 13-NQ/TU Kế hoạch số 176/KHUBND, Kế hoạch số 53-KH/ĐU và các văn bản pháp luật của cơ quan cấp trên) hoàn thiện nội dung của dự thảo Nghị quyết để dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình UBND tỉnh. Trường hợp Cơ quan soạn thảo không tiếp thu hoặc chỉnh sửa hoặc bổ sung thêm những nội dung mới khác với dự thảo Nghị quyết ban đầu đã gửi Sở Tư pháp thẩm định thì phải chịu trách nhiệm về những nội dung đó và giải trình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Sở Tư pháp không chịu trách nhiệm đối với những nội dung này.	Tiếp thu ý kiến Đã lập báo cáo tiếp thu giải trình nội dung thẩm định của Sở Tư pháp; hoàn thiện Dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

